

Số: /QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 01)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định 3366/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương và các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 02/TTr-TCKH ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 01), số tiền **98.986,0** triệu đồng (Chín mươi tám tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu đồng) từ Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn chương trình mục tiêu quốc gia, kèm theo bảng chi tiết.

Điều 2. Căn cứ nguồn vốn được giao tại Điều 1 Quyết định này, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Văn hóa và Thông tin, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện và quyết toán vốn đầu tư công đúng quy định hiện hành.

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổng hợp, định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện tình hình giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (ĐỢT 01)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện).

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ														
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ							176.762,8	170.126,0	157.311,0	10.524,0	98.986,0	0,0	0,0	
	TỈNH GIA LAI														
	Vốn trong nước							176.762,8	170.126,0	157.311,0	10.524,0	98.986,0	0,0	0,0	
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
I	Vốn ngân sách nhà nước							176.762,8	170.126,0	157.311,0	10.524,0	98.986,0	0,0	0,0	
	Vốn trong nước							176.762,8	170.126,0	157.311,0	10.524,0	98.986,0	0,0	0,0	
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
1	Vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)							132.775,0	131.131,0	118.316,0	10.524,0	59.991,0	0,0	0,0	
*	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư							36.400,0	36.400,0	27.558,0	114,0	19.754,0	0,0	0,0	
1	Trường Tiểu học Hùng Vương	xã Ia Din	KBNN Đức Cơ	8065628	070-072	Năm 2024	3273/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	9.900,0	9.900,0	8.800,0	64,0	8.736,0			
2	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din	KBNN Đức Cơ	8065581	161	Năm 2024	3274/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	4.700,0	4.700,0	3.800,0		3.800,0			
3	Trung tâm văn hoá thông tin và thể thao	Thị trấn Chư Ty Xã Ia Pnôn	KBNN Đức Cơ	8068401	161	Năm 2024- 2025	3275/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	9.800,0	9.800,0	9.708,0	50,0	1.968,0			
4	Đường liên xã Ia Pnôn - Ia Nan (đoạn từ trung tâm xã đi quốc lộ 14C)	Pnôn, Ia Nan	KBNN Đức Cơ	7978033	280-292	Năm 2022- 2023	2261a/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	9.000,0	9.000,0	2.400,0		2.400,0			

ST T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
5	Trường Tiểu học Kpă Klong	xã Ia Nan	KBNN Đức Cơ	8065578	070-072	Năm 2024	3277/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	3.000,0	3.000,0	2.850,0		2.850,0			
*	Nguồn vốn tiền sử dụng đất							74.345,0	73.513,0	69.540,0	10.410,0	26.147,0	0,0	0,0	
1	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường	Huyện Đức Cơ	KBNN Đức Cơ			Năm 2022- 2024	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.500,0	2.500,0	2.500,0		1.300,0			
2	Thông kê đất đai hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	KBNN Đức Cơ			Năm 2022- 2024	3144/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	670,0	670,0	670,0		224,0			
3	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	KBNN Đức Cơ			Năm 2023- 2025	2844/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	1.500,0	1.500,0	1.500,0		500,0			
4	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	KBNN Đức Cơ			Năm 2024	3307/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.000,0	1.000,0	1.000,0		1.000,0			
5	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính	Huyện Đức Cơ	KBNN Đức Cơ			Năm 2023- 2024	3312/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	2.032,0	1.200,0	1.200,0		323,0			
6	Nghĩa chung huyện Đức Cơ	xã Ia Kriêng	KBNN Đức Cơ	8026831		Năm 2023- 2024	2886/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.443	2.443,0	2.400,0	900,0	500,0			
7	Đường giao thông làng Trol Deng, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8062142	280-292	Năm 2024	2399/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	630	630,0	600,0		600,0			
8	Nâng cấp mặt đường Tôn Đức Thắng	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8065641	280-292	Năm 2024	3279/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	2.800	2.800,0	2.700,0		800,0			
9	Cải tạo, chỉnh trang điện chiếu sáng công cộng đường Quang Trung	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8069224	280-292	Năm 2024- 2025	3280/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	2.600	2.600,0	2.500,0		2.000,0			
10	Trụ sở UBND xã Ia Dôk	Xã Ia Dok	KBNN Đức Cơ	8065582		Năm 2024	3281/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	2.500	2.500,0	2.400,0		1.778,4			
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	7996584	280-292	Năm 2023- 2024	2677/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	23.000	23.000,0	20.300,0	1.500,0	7.000,0			
12	Chỉnh trang đường Trường Chinh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8001171	280-292	Năm 2023- 2024	2681/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	11.700	11.700,0	11.000,0	8.010,0	2.590,0			
13	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty.	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8065636	280-292	Năm 2024- 2025	3282/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	14.900	14.900,0	14.700,0		4.731,6			
14	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	Các xã, thị trấn	KBNN Đức Cơ			Năm 2024	338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	6.070,0	6.070,0	6.070,0	0,0	2.800,0			
	Thị trấn Chư Ty		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		475,0	475,0	475,0		226,0			

ST T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú		
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số	Trong đó:							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản
	Xã Ia Kla		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		2.591,0	2.591,0	2.591,0		1.296,0					
	Xã Ia Lang		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		460,0	460,0	460,0		197,0					
	Xã Ia Pnôn		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		1.440,0	1.440,0	1.440,0		648,0					
	Xã Ia Dom		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		1.104,0	1.104,0	1.104,0		433,0					
*	Ngân sách tỉnh Hỗ trợ Chương trình kiến cổ hóa hạ tầng giao thông và kênh mương							14.530,0	13.718,0	13.718,0	0,0	6.590,0					
	Thị trấn Chư Ty		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		475,0	398,0	398,0		97,0					
	Xã Ia Kla		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		2.591,0	2.462,0	2.462,0		1.166,0					
	Xã Ia Lang		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		460,0	437,0	437,0		240,0					
	Xã Ia Kriêng		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		2.160,0	2.052,0	2.052,0		1.080,0					
	Xã Ia Krêl		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		2.000,0	1.860,0	1.860,0		706,0					
	Xã Ia Dok		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		3.700,0	3.522,0	3.522,0		1.800,0					
	Xã Ia Nan		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		600,0	570,0	570,0		275,0					
	Xã Ia Pnôn		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		1.440,0	1.368,0	1.368,0		720,0					
	Xã Ia Dom		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		1.104,0	1.049,0	1.049,0		506,0					
*	Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							7.500,0	7.500,0	7.500,0	0,0	7.500,0					
1	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết -Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		5.500,0	5.500,0	5.500,0		5.500,0					

ST T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú		
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản
2	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch - Phòng Văn hóa và Thông tin		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		328,0	328,0	328,0		328,0					
3	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		1.672,0	1.672,0	1.672,0	0,0	1.672,0					
	Xã Ia Dom		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		176,0	176,0	176,0		176,0					
	Xã Ia Krêl		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		44,0	44,0	44,0		44,0					
	Xã Ia Dok		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		440,0	440,0	440,0		440,0					
	Xã Ia Kriêng		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		440,0	440,0	440,0		440,0					
	Xã Ia Kla		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		220,0	220,0	220,0		220,0					
	Xã Ia Din		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		352,0	352,0	352,0		352,0					
2	Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương							43.987,8	38.995,0	38.995,0	0,0	38.995,0					
2.1	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia							43.987,8	38.995,0	38.995,0	0,0	38.995,0					
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							28.664,8	23.672,0	23.672,0	0,0	23.672,0					
1	Xã Ia Dom		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		671,0	604,0	604,0		604,0					
2	Xã Ia Krêl		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		780,2	737,0	737,0		737,0					
3	Xã Ia Nan		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		729,2	689,0	689,0		689,0					
4	Xã Ia Kla		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		3.750,1	3.494,0	3.494,0		3.494,0					
5	Xã Ia Kriêng		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		3.592,3	3.210,0	3.210,0		3.210,0					

ST T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
6	Xã Ia Din		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		6.052,0	5.627,0	5.627,0		5.627,0			
7	Xã Ia Dok		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		7.525,0	3.806,0	3.806,0		3.806,0			
8	Xã Ia Pnôn		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		5.565,0	5.505,0	5.505,0		5.505,0			
*	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							15.323,0	15.323,0	15.323,0	0,0	15.323,0			
1	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết -Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		5.290,0	5.290,0	5.290,0		5.290,0			
2	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch - Phòng Văn hóa và Thông tin		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		328,0	328,0	328,0		328,0			
3	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS và MN kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình; Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo ANTT vùng đồng bào DTTS và MN - Phòng Văn hóa và Thông tin		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		300,0	300,0	300,0		300,0			
4	DỰ ÁN 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc; Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		9.405,0	9.405,0	9.405,0	0,0	9.405,0			
	Xã Ia Nan		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		350,0	350,0	350,0		350,0			
	Xã Ia Krêl		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		780,0	780,0	780,0		780,0			

ST T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
	Xã Ia Dok		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		600,0	600,0	600,0		600,0			
	Xã Ia Kriêng		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		1.200,0	1.200,0	1.200,0		1.200,0			
	Xã Ia Kla		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		681,0	681,0	681,0		681,0			
	Xã Ia Din		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		418,0	418,0	418,0		418,0			
	Xã Ia Lang		KBNN Đức Cơ			Năm 2024		5.376,0	5.376,0	5.376,0		5.376,0			
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư														